

Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện bán buôn, bán lẻ thuốc có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp.

Giấy chứng nhận được làm thành 4 bản (1 bản lưu tại Cục Quản lý dược Việt Nam, 1 bản lưu tại Sở Y tế, 1 bản lưu tại Tổng công ty Dược (nếu là đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty) hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu là đơn vị địa phương quản lý), 1 bản lưu tại doanh nghiệp.

Điều 20. Trước khi hết hạn 3 tháng thương nhân phải làm đơn gửi Sở Y tế để xin xét cấp lại giấy chứng nhận.

Điều 21. Thủ tục xin chuyển địa điểm kinh doanh:

1. Đơn xin chuyển địa điểm kinh doanh thuốc.
2. Sở Y tế thẩm định cơ sở mới theo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Thông tư này và cho phép bằng văn bản. Cơ sở có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục với các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật trước khi chuyển đến địa điểm mới.

Chương VII

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Cục Quản lý dược Việt Nam, Thanh tra Bộ Y tế tổ chức kiểm tra, thanh tra trên phạm vi cả nước về việc kinh doanh thuốc.

Điều 23. Thanh tra y tế tỉnh phối hợp với phòng quản lý dược Sở Y tế kiểm tra, thanh tra việc kinh doanh thuốc trên phạm vi lãnh thổ tỉnh.

Điều 24. Thương nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này tùy theo mức độ vi phạm bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Các cán bộ, công chức nhà nước nếu lạm dụng chức vụ, quyền hạn không thực hiện đúng các quy định của Thông tư này, tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc

truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành, các quy định trước đây trái với quy định của Thông tư này đều bãi bỏ.

Điều 27. Cục Quản lý dược Việt Nam và Sở Y tế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Y tế
Thủ trưởng

LÊ VĂN TRUYỀN

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH số 85/2000/QĐ-NHNN14 ngày 09/3/2000 về việc ban hành Quy chế Nghiệp vụ thị trường mở.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Nghiệp vụ thị trường mở.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng tham gia nghiệp vụ thị trường mở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

QUY CHẾ Nghiệp vụ thị trường mở

(ban hành kèm theo Quyết định số 85/2000/QĐ-NHNN14 ngày 09/3/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Quy chế này quy định việc mua, bán tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các loại giấy tờ có giá ngắn hạn khác (sau đây gọi tắt là giấy tờ có giá) giữa Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng trên thị trường tiền tệ nhằm thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

1. Thời hạn còn lại: Là thời gian thanh toán còn lại của giấy tờ có giá ngắn hạn, tính từ ngày giấy tờ có giá được mua, bán thông qua nghiệp vụ thị trường mở đến ngày đến hạn thanh toán.

2. Bán và cam kết mua lại (gọi tắt là giao dịch có kỳ hạn): Là việc bên bán (Ngân hàng Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng) bán và chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá cho bên mua (tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước) đồng thời cam kết mua lại và nhận lại quyền sở hữu giấy tờ có giá đó sau một thời hạn nhất định.

3. Mua hoặc bán hẫng: Là việc mua, bán và chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá từ bên bán cho bên mua và không kèm theo thỏa thuận mua, bán lại giấy tờ có giá.

4. Đấu thầu khối lượng: Là việc xác định khối lượng trúng thầu của các tổ chức tín dụng tham gia nghiệp vụ thị trường mở trên cơ sở khối lượng dự thầu của các tổ chức tín dụng, khối lượng giấy tờ có giá mua hoặc bán và lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo.

5. Đấu thầu lãi suất: Là việc xác định lãi suất trúng thầu của các tổ chức tín dụng tham gia nghiệp vụ thị trường mở trên cơ sở lãi suất dự thầu của các tổ chức tín dụng và khối lượng giấy tờ có giá mua hoặc bán do Ngân hàng Nhà nước thông báo.

6. Ngày thông báo: Là ngày Ngân hàng Nhà nước gửi thông báo về việc mua hoặc bán các giấy tờ có giá.

7. Ngày đấu thầu: Là ngày các tổ chức tín dụng nộp đơn dự thầu, Ngân hàng Nhà nước tổ chức xét thầu và thông báo kết quả đấu thầu.

8. Ngày thanh toán: Là ngày các tổ chức tín dụng trúng thầu thực hiện giao, nhận và thanh toán các giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước, sau 2 ngày kể từ ngày đấu thầu.

Điều 3. Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở.

Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở được Ngân hàng Nhà nước thành lập do một Phó Thống đốc làm Trưởng ban và các thành viên là đại diện

của các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước. Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở được tổ chức và hoạt động theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở.

Thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở là các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng có đủ điều kiện quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Điều kiện tham gia thị trường mở.

Các tổ chức tín dụng được công nhận là thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố);

2. Có đủ các phương tiện cần thiết để tham gia nghiệp vụ thị trường mở gồm nối mạng máy vi tính với Ngân hàng Nhà nước, có máy FAX và điện thoại để giao dịch với Ngân hàng Nhà nước;

3. Có đăng ký tham gia nghiệp vụ thị trường mở.

Điều 6. Công nhận thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở.

Các tổ chức tín dụng có đủ các điều kiện được quy định tại Điều 5 của Quy chế này, được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy công nhận là thành viên của thị trường.

Điều 7. Ủy quyền tham gia giao dịch.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng là người quyết định và ký các giấy tờ có liên quan đến giao dịch nghiệp vụ thị trường mở. Tổng Giám đốc (Giám đốc) có thể ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc Giám đốc Hội Sở giao dịch hoặc Giám đốc chi nhánh của tổ chức tín dụng thực hiện các quyết định và ký các văn bản giao dịch nghiệp vụ thị trường mở và phải chịu trách nhiệm về sự ủy quyền đó.

Điều 8. Các loại giấy tờ có giá được giao dịch thông qua thị trường mở:

1. Tín phiếu kho bạc.

2. Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.

3. Các loại giấy tờ có giá ngắn hạn khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể trong từng thời kỳ.

Điều 9. Phương thức mua hoặc bán giấy tờ có giá.

Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở quyết định mỗi phiên giao dịch chỉ áp dụng một trong hai phương thức sau:

1. Bán và cam kết mua lại (giao dịch có kỳ hạn).

2. Mua hoặc bán hẫng.

Điều 10. Cấp mã số giao dịch cho các tổ chức tín dụng.

Các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước công nhận là thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở được cấp mã số (code), mã khóa để giao dịch qua máy vi tính, máy FAX và mã số chữ ký cho những người đại diện được tổ chức tín dụng ủy quyền tham gia giao dịch để thực hiện chế độ bảo mật đối với các giao dịch nghiệp vụ thị trường mở.

Điều 11. Ngày giao dịch và định kỳ tổ chức thực hiện nghiệp vụ thị trường mở.

1. Ngày giao dịch nghiệp vụ thị trường mở được tính theo ngày làm việc, không tính ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ và nghỉ tết.

2. Định kỳ và ngày tổ chức thực hiện nghiệp vụ thị trường mở do Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở quy định cụ thể trong từng thời kỳ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 12. Điều kiện giao dịch thông qua thị trường mở của giấy tờ có giá.

Các giấy tờ có giá quy định Điều 8 của Quy chế này được giao dịch thông qua nghiệp vụ thị trường mở phải có đủ điều kiện sau đây:

1. Có thể giao dịch được;
2. Được phát hành bằng Đồng Việt Nam;
3. Đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định về việc đăng ký giấy tờ có giá ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước;
4. Giấy tờ có giá được mua, bán hẳn phải có thời hạn còn lại tối đa là 90 ngày.

Điều 13. Phương thức đấu thầu.

Việc mua hoặc bán các loại giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng thực hiện thông qua phương thức đấu thầu khối lượng hoặc đấu thầu lãi suất.

1. Đấu thầu khối lượng.

- a) Ngân hàng Nhà nước thông báo cho các tổ chức tín dụng mức lãi suất và khối lượng các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc cần bán.
- b) Tổ chức tín dụng dự thầu khối lượng các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc cần bán theo mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước thông báo.
- c) Trường hợp tổng khối lượng dự thầu của các tổ chức tín dụng bằng hoặc thấp hơn khối lượng Ngân hàng Nhà nước cần mua hoặc cần bán thì khối lượng trúng thầu của từng tổ chức tín dụng là khối lượng dự thầu của tổ chức tín dụng đó.
- d) Trường hợp tổng khối lượng dự thầu của các tổ chức tín dụng vượt quá khối lượng Ngân hàng Nhà nước cần mua hoặc cần bán, khối lượng giấy tờ có giá trúng thầu được phân bổ theo tỷ lệ thuận với khối lượng dự thầu của các tổ chức tín dụng và được làm tròn đến 10 triệu đồng.

2. Đấu thầu lãi suất.

- a) Ngân hàng Nhà nước công bố khối lượng các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc cần bán.
- b) Tổ chức tín dụng dự thầu theo các mức lãi

suất và khối lượng giấy tờ có giá cần mua, cần bán tương ứng với các mức lãi suất đó. Lãi suất dự thầu được tính theo tỷ lệ %/năm và được làm tròn đến 2 con số sau dấu phẩy.

c) Các đơn dự thầu của các tổ chức tín dụng được xếp theo thứ tự lãi suất dự thầu giảm dần trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước mua giấy tờ có giá, hoặc lãi suất dự thầu tăng dần trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá.

d) Lãi suất trúng thầu là lãi suất dự thầu thấp nhất (trường hợp Ngân hàng Nhà nước mua giấy tờ có giá) hoặc lãi suất dự thầu cao nhất (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá) mà tại mức lãi suất đó đạt được khối lượng giấy tờ có giá Ngân hàng Nhà nước cần mua hoặc cần bán.

e) Khối lượng trúng thầu của các tổ chức tín dụng là khối lượng của các mức dự thầu có lãi suất bằng và cao hơn mức lãi suất trúng thầu (trường hợp Ngân hàng Nhà nước mua giấy tờ có giá) hoặc có lãi suất dự thầu bằng và thấp hơn lãi suất trúng thầu (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá).

g) Trong từng thời kỳ, Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở sẽ thông báo việc áp dụng phương thức xét thầu theo mức lãi suất thống nhất hoặc lãi suất riêng lẻ.

- Lãi suất thống nhất: Toàn bộ khối lượng trúng thầu được tính thống nhất theo mức lãi suất trúng thầu.

- Lãi suất riêng lẻ: Từng mức khối lượng trúng thầu được tính tương ứng với từng mức lãi suất dự thầu.

h) Trường hợp tại mức lãi suất trúng thầu, tổng khối lượng dự thầu của các tổ chức tín dụng vượt quá khối lượng giấy tờ có giá Ngân hàng Nhà nước cần mua hoặc cần bán, thì khối lượng giấy tờ có giá trúng thầu của các tổ chức tín dụng tại mức lãi suất trúng thầu được tính theo tỷ lệ thuận với khối lượng dự thầu của các tổ chức tín dụng tại mức lãi suất trúng thầu và được làm tròn đến 10 triệu đồng; trường hợp tại mức lãi suất trúng

thầu của một tổ chức tín dụng có nhiều loại giấy tờ có giá cần bán hoặc cần mua, Ngân hàng Nhà nước xét thầu xác định theo thứ tự từng loại giấy tờ có giá như sau:

- Giấy tờ có giá đăng ký bán hoặc đăng ký mua có khối lượng lớn hơn.

- Giấy tờ có giá có thời hạn bán hoặc mua ngắn hơn (trường hợp mua hoặc bán hẳn).

- Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá ngắn hơn.

Điều 14. Xác định khối lượng, thời hạn giấy tờ có giá cần mua, cần bán.

1. Từ 8 giờ đến 10 giờ ngày thông báo, Trưởng Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở hoặc Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền hợp với các thành viên trong Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở để xác định các nội dung chính như sau:

a) Khối lượng các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc cần bán;

b) Phương thức đấu thầu;

c) Phương thức xét thầu (trường hợp đấu thầu lãi suất);

d) Thời hạn của giao dịch mua bán có kỳ hạn;

e) Lãi suất mua hoặc bán (trường hợp đấu thầu khối lượng).

2. Việc xác định các nội dung trên dựa vào các căn cứ sau đây:

a) Mục tiêu của chính sách tiền tệ;

b) Kết quả dự báo vốn khả dụng;

c) Khối lượng, lãi suất trúng thầu của các loại giấy tờ có giá ngắn hạn Ngân hàng Nhà nước đã mua hoặc đã bán thông qua nghiệp vụ thị trường mở tại phiên đấu thầu gần nhất;

d) Tham khảo các loại lãi suất hiện hành trên thị trường;

e) Tình hình hoạt động tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng.

3. Chậm nhất đến 11 giờ 30 ngày thông báo, Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở sẽ thông báo cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước (bộ phận nghiệp vụ thị trường mở) các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Thông báo mua, bán giấy tờ có giá.

Từ 13 giờ đến 14 giờ 30 ngày thông báo, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước thông báo mua giấy tờ có giá hoặc bán giấy tờ có giá cho các tổ chức tín dụng và chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thông qua mạng máy vi tính với nội dung chính như sau:

1. Ngày đấu thầu;

2. Ngày thanh toán;

3. Các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc cần bán;

4. Kỳ hạn của giấy tờ có giá;

5. Hình thức các loại giấy tờ có giá cần mua, cần bán (chứng chỉ, ghi sổ);

6. Khối lượng cần mua hoặc cần bán (tính theo giá trị khi đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá);

7. Ngày đến hạn thanh toán của từng loại giấy tờ có giá ngắn hạn (trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán);

8. Thời hạn của giao dịch có kỳ hạn;

9. Phương thức đấu thầu;

10. Phương thức xét thầu (trường hợp đấu thầu lãi suất);

11. Phương thức mua, bán;

12. Lãi suất Ngân hàng Nhà nước áp dụng khi mua hoặc bán (trường hợp đấu thầu khối lượng).

Tại mỗi phiên giao dịch mua hoặc bán, Ngân hàng Nhà nước chỉ áp dụng một thời hạn mua hoặc bán bán thống nhất cho các loại giấy tờ có giá và chỉ áp dụng một phương thức đấu thầu lãi suất hoặc đấu thầu khối lượng.

Điều 16. Nộp đơn dự thầu.

Từ 8 giờ đến 10 giờ ngày đấu thầu (ngay sau

ngày thông báo), các tổ chức tín dụng căn cứ vào thông báo mua hoặc bán giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước để nộp đơn dự thầu đăng ký mua hoặc đăng ký bán với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước (bộ phận nghiệp vụ thị trường mở) thông qua mạng máy vi tính với các nội dung sau:

1. Các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc cần bán;
2. Kỳ hạn của giấy tờ có giá;
3. Hình thức các loại giấy tờ có giá cần mua hoặc cần bán (chứng chỉ, ghi sổ);
4. Khối lượng cần mua hoặc cần bán (tính theo giá trị khi đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá);
5. Các mức lãi suất dự thầu của từng loại giấy tờ có giá cần mua hoặc cần bán (trường hợp đấu thầu lãi suất);
6. Ngày đến hạn thanh toán của từng loại;
7. Phương thức mua hoặc bán;
8. Thời hạn mua hoặc bán của từng loại (số ngày);
9. Mã số chữ ký của người giao dịch (người lập biểu), người kiểm soát và người có thẩm quyền.

Trong thời hạn nộp đơn dự thầu, tổ chức tín dụng có thể thay đổi nội dung đơn dự thầu bằng đơn dự thầu mới hoặc hủy bỏ đơn dự thầu thông qua mạng máy vi tính. Những thay đổi về nội dung đơn dự thầu của tổ chức tín dụng chỉ có hiệu lực sau khi đơn dự thầu cũ bị hủy bỏ.

Tổng khối lượng giấy tờ có giá đăng ký mua hoặc bán của một tổ chức tín dụng trong một đơn dự thầu tối thiểu là 100 triệu đồng.

Điều 17. Đơn dự thầu không hợp lệ.

Đơn dự thầu của tổ chức tín dụng bị coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau đây:

1. Đơn dự thầu không đúng với mã số (code) quy định;
2. Mã số chữ ký của người đại diện tổ chức tín dụng trong đơn dự thầu không đúng với mã số chữ ký do Ngân hàng Nhà nước cấp;

3. Lãi suất dự thầu không làm tròn đến 2 con số sau dấu phẩy;

4. Đơn dự thầu ghi cụ thể yêu cầu mua theo giá rẻ nhất hoặc yêu cầu bán theo giá đắt nhất;

5. Tổng khối lượng giấy tờ có giá ghi trong một đơn dự thầu dưới 100 triệu đồng;

6. Các nội dung trong đơn dự thầu không được điền đúng theo quy định của Quy chế này;

7. Tổ chức tín dụng bán giấy tờ có giá mà không có giấy tờ có giá đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định; thời hạn còn lại của giấy tờ có giá đăng ký bán ngắn hơn thời hạn của hợp đồng bán và mua lại.

Đối với những đơn dự thầu không hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) sẽ thông báo cho tổ chức tín dụng biết qua mạng máy vi tính hoặc bằng FAX.

Điều 18. Tổ chức xét thầu.

1. Từ 10 giờ đến 11 giờ 30 ngày đấu thầu, Ngân hàng Nhà nước thực hiện xét thầu. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao cho Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện xét thầu với sự chứng kiến của thành viên trong Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở do Trưởng Ban quyết định.

2. Việc xét thầu thực hiện theo nội dung thông báo của Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở và theo quy trình nghiệp vụ thị trường mở của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp tổ chức tín dụng bán giấy tờ có giá không có đủ giấy tờ có giá đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước hoặc thời hạn còn lại của giấy tờ có giá đăng ký bán ngắn hơn thời hạn của hợp đồng bán và mua lại, Ngân hàng Nhà nước chỉ chấp nhận xét thầu khối lượng tương ứng với khối lượng giấy tờ có giá đã đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước hoặc khối lượng giấy tờ có giá có thời hạn lớn hơn thời hạn của hợp đồng bán và mua lại.

Điều 19. Xác định giá mua hoặc giá bán giấy tờ có giá.

1. Trường hợp bán có kỳ hạn kèm theo hợp đồng bán và mua lại:

a) Giá bán giữa Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng xác định theo công thức sau:

$$Gd = \frac{GT}{1 + \frac{L \times T}{365 \times 100}}$$

Gd: Giá bán;

GT: Giá trị của giấy tờ có giá khi đến hạn thanh toán;

T: Thời hạn còn lại của giấy tờ có giá (số ngày);

L: Lãi suất thống nhất hoặc lãi suất riêng lẻ (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng) tại phiên đấu thầu, tính theo %/năm;

365: Số ngày quy ước của một năm.

b) Giá mua lại giữa Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng xác định theo công thức sau:

$$Gv = Gd \times \left[1 + \frac{L \times Tb}{365 \times 100} \right]$$

Gv: Giá mua lại;

Gd: Giá bán;

L: Lãi suất thống nhất hoặc lãi suất riêng lẻ (trường hợp đấu thầu lãi suất) hoặc lãi suất do Ngân hàng Nhà nước thông báo (trường hợp đấu thầu khối lượng) tại phiên đấu thầu, tính theo %/năm;

Tb: Thời hạn bán (số ngày);

365: Số ngày quy ước của một năm.

2. Trường hợp mua hoặc bán hần giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng:

Giá mua hoặc bán hần giấy tờ có giá được áp

dụng như công thức quy định tại khoản 1 Tiết a của Điều này.

Điều 20. Thông báo kết quả đấu thầu.

1. Chậm nhất vào lúc 14 giờ ngày đấu thầu, Ngân hàng Nhà nước thông báo kết quả đấu thầu cho các tổ chức tín dụng tham gia đấu thầu và chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố qua mạng máy vi tính. Thông báo kết quả đấu thầu bao gồm các nội dung chính như sau:

- a) Ngày đấu thầu;
- b) Khối lượng trúng thầu;
- c) Khối lượng không trúng thầu;
- d) Lãi suất trúng thầu;
- e) Số tiền thanh toán;
- g) Ngày thanh toán.

2. Thông báo kết quả đấu thầu là căn cứ để thực hiện việc giao, nhận, thanh toán giấy tờ có giá trong trường hợp mua hoặc bán hần giấy tờ có giá; đồng thời là căn cứ để lập hợp đồng bán và mua lại trong trường hợp mua, bán có kỳ hạn.

Điều 21. Lập và giao, nhận hợp đồng bán và mua lại.

1. Hợp đồng bán và mua lại giấy tờ có giá do bên bán lập.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả đấu thầu của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng bán giấy tờ có giá lập hợp đồng bán và mua lại, gửi cho Ngân hàng Nhà nước qua mạng vi tính và bằng FAX.

3. Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) lập hợp đồng bán và mua lại trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước bán giấy tờ có giá cho tổ chức tín dụng. Hợp đồng bán và mua lại do Ngân hàng Nhà nước lập được gửi cho tổ chức tín dụng trúng thầu qua mạng vi tính và bằng FAX.

4. Thời hạn lập và gửi hợp đồng bán và mua lại chậm nhất vào lúc 15 giờ ngày đấu thầu.

5. Sau khi nhận được hợp đồng bán và mua lại, người có thẩm quyền của tổ chức tín dụng trúng thầu hoặc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước ký tên và đóng dấu trên bản FAX hợp đồng và gửi cho bên bán qua mạng vi tính và bằng FAX chậm nhất vào lúc 15 giờ 30 ngày đấu thầu.

6. Bộ phận nghiệp vụ thị trường mở (Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước) sẽ chuyển bằng máy FAX bản hợp đồng bán và mua lại cho các bộ phận có liên quan của Sở Giao dịch và chi nhánh Ngân hàng Nhà nước trước 16 giờ 30 cùng ngày.

7. Hợp đồng bán và mua lại là căn cứ để thực hiện việc thanh toán và giao, nhận giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng trong trường hợp giao dịch có kỳ hạn.

Điều 22. Thanh toán và chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá.

1. Khi nhận được thông báo kết quả thầu hoặc hợp đồng bán và mua lại đã được các bên ký kết, bên bán phải chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá cho bên mua; đồng thời, bên mua phải thanh toán tiền mua giấy tờ có giá cho bên bán. Việc thanh toán và chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá thực hiện trong ngày thanh toán.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng trúng thầu mua giấy tờ có giá không đủ tiền để thanh toán, Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) sẽ trích tài khoản của tổ chức tín dụng trúng thầu tại Ngân hàng Nhà nước cho đủ số tiền tương ứng với khối lượng trúng thầu; nếu không đủ số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng Nhà nước sẽ hủy bỏ phần kết quả trúng thầu chưa được thanh toán.

3. Vào ngày kết thúc hợp đồng bán và mua lại, bên mua và bên bán sẽ thực hiện chuyển giao quyền sở hữu giấy tờ có giá và thanh toán theo cam kết của các bên tại hợp đồng bán và mua lại.

4. Trường hợp đến hạn phải thanh toán mà tổ chức tín dụng bán và cam kết mua lại giấy tờ có giá không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng Nhà nước

(Sở Giao dịch) sẽ trích tài khoản của tổ chức tín dụng đó tại Ngân hàng Nhà nước cho đủ số tiền phải thanh toán. Sau khi áp dụng biện pháp trên mà vẫn chưa đủ số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng Nhà nước sẽ tạm giữ khối lượng giấy tờ có giá tương ứng với số tiền còn thiếu vào tài khoản riêng. Sau 10 ngày kể từ ngày đến hạn phải thanh toán, tổ chức tín dụng không thanh toán đủ số tiền phải thanh toán, Ngân hàng Nhà nước sẽ bán khối lượng giấy tờ có giá đó để thu hồi vốn. Việc thanh toán được thực hiện thông qua tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước.

Điều 23. Xử lý vi phạm.

Các tổ chức tín dụng tham gia đấu thầu vi phạm 3 lần liên tiếp một trong các trường hợp sau đây, Ngân hàng Nhà nước sẽ tạm đình chỉ việc tham gia mua, bán trong thời gian 3 tháng kể từ ngày có thông báo vi phạm lần thứ 3:

1. Không đăng ký đủ giấy tờ có giá tương ứng với khối lượng đăng ký đấu thầu (đối với trường hợp tổ chức tín dụng bán giấy tờ có giá);

2. Không đủ số tiền phải thanh toán tương đương với khối lượng trúng thầu được Ngân hàng Nhà nước thông báo;

3. Không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải thanh toán trong trường hợp đến hạn thanh toán đối với trường hợp tổ chức tín dụng bán và cam kết mua lại.

Điều 24. Báo cáo thực hiện nghiệp vụ thị trường mở.

Sau mỗi phiên giao dịch, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước lập báo cáo gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng về kết quả đấu thầu của phiên giao dịch đó.

Hàng tháng, quý, năm, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện nghiệp vụ thị trường mở trong kỳ cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở và các đơn vị có liên quan.

*Chương III***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

1. Vụ Tín dụng:

a) Cung cấp thông tin về hoạt động tái cấp vốn cho Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở và Bộ phận quản lý vốn khả dụng.

b) Phối hợp với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước để xác định cơ cấu của giấy tờ có giá giao dịch thông qua nghiệp vụ thị trường mở.

2. Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Quản lý, theo dõi và cung cấp kết quả dự báo vốn khả dụng của các tổ chức tín dụng theo định kỳ cho Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở theo Quy chế Quản lý vốn khả dụng.

b) Đề xuất với Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở về khối lượng các loại giấy tờ có giá ngắn hạn cần mua, cần bán, thời hạn cần mua hoặc bán và dự kiến các mức lãi suất áp dụng khi mua, bán giấy tờ có giá.

c) Phối hợp với Vụ Tín dụng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bổ sung hoặc loại bỏ các loại giấy tờ có giá làm công cụ cho nghiệp vụ thị trường mở.

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước:

a) Xem xét, công nhận tổ chức tín dụng là thành viên tham gia nghiệp vụ thị trường mở; phối hợp với Cục Công nghệ tin học ngân hàng quy định mã số, mã khóa để giao dịch qua mạng máy vi tính, máy Fax và mã số chữ ký của những người tham gia giao dịch nghiệp vụ thị trường mở.

b) Thực hiện các giao dịch mua hoặc bán giấy tờ có giá với các tổ chức tín dụng.

c) Thực hiện đăng ký, quản lý và theo dõi các giấy tờ có giá.

d) Thanh toán các giấy tờ có giá.

e) Ban hành quy trình hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ thị trường mở.

g) Phối hợp với Vụ Tín dụng và Vụ Chính sách tiền tệ tham mưu cho Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở xác định cơ cấu, thời hạn cần mua, cần bán của các loại giấy tờ có giá.

h) Thực hiện giao, nhận, lưu ký giấy tờ có giá và hạch toán kế toán theo quy định.

i) Tổng hợp, theo dõi và báo cáo các thông tin về nghiệp vụ thị trường mở gửi Ban Điều hành nghiệp vụ thị trường mở, Vụ Tín dụng và Vụ Chính sách tiền tệ.

4. Vụ Kế toán - Tài chính:

Hướng dẫn quy trình hạch toán kế toán có liên quan đến nghiệp vụ thị trường mở.

5. Cục Công nghệ tin học ngân hàng:

Lập chương trình phần mềm cho nghiệp vụ thị trường mở và tổ chức cài đặt chương trình để đảm bảo hoạt động an toàn và bảo mật.

6. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước:

a) Thực hiện giao, nhận, lưu ký các giấy tờ có giá, thanh toán và hạch toán kế toán theo quy định.

b) Thông báo cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước số dư tài khoản lưu ký giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY